

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
THPT TRƯỜNG CHINH

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
1	105565	ĐỖ TIẾN ĐẠT	14/10/2004	Nam	1	36.5	
2	105889	HOÀNG THỊ THÙY LINH	15/02/2004	Nữ	1	29	
3	106295	NGUYỄN TRƯỜNG THỊNH	19/06/2004	Nam	1	29.75	
4	106337	VÕ NGUYỄN MINH THƯ	01/05/2004	Nữ	1	28.75	
5	123172	NGUYỄN ĐẶNG HOÀNG TIẾN	15/06/2004	Nam	3	30.75	
6	125932	NGUYỄN THỊ KIM OANH	17/05/2004	Nữ	1	31.75	
7	126256	CAO HOÀNG AN	01/09/2004	Nữ	1	28.5	
8	126269	ĐỖ HỒNG ÂN	19/12/2004	Nữ	2	29	
9	126282	ĐOÀN NỮ QUỲNH ANH	11/02/2004	Nữ	1	30	
10	126283	HỒ NGỌC PHƯƠNG ANH	17/12/2004	Nữ	1	29.25	
11	126286	LÊ BÌNH PHƯƠNG ANH	27/01/2004	Nữ	1	30	
12	126288	LÊ MỸ ANH	10/01/2004	Nữ	2	30.5	
13	126296	NGUYỄN DUY ANH	27/10/2004	Nam	1	31	
14	126304	NGUYỄN NGỌC ANH	22/03/2004	Nữ	1	31.25	
15	126307	NGUYỄN THẾ TUẤN ANH	17/11/2004	Nam	1	33.25	
16	126313	PHẠM HOÀNG PHƯƠNG ANH	05/07/2004	Nữ	1	30	
17	126315	PHẠM MINH ANH	10/05/2004	Nữ	1	33	
18	126316	PHẠM PHÙNG TRUNG ANH	09/11/2004	Nữ	1	29.5	
19	126319	PHẠM QUỲNH ANH	10/09/2004	Nữ	1	30.25	
20	126321	PHAN HOÀNG PHƯƠNG ANH	11/03/2004	Nữ	1	30.75	
21	126326	TRẦN LAN ANH	26/10/2004	Nữ	1	33.25	
22	126329	TRẦN NGUYỄN THÚY ANH	22/06/2004	Nữ	1	32.25	
23	126333	TRẦN THỊ QUỲNH ANH	12/03/2004	Nữ	2	30.75	
24	126334	TRỊNH THỊ LAN ANH	06/02/2004	Nữ	1	32	
25	126339	VÕ THỊ NGỌC ANH	08/05/2004	Nữ	1	32.25	
26	126343	VŨ THỊ KIM ANH	04/03/2004	Nữ	1	28.25	
27	126363	TẠ HOÀNG THIÊN BẢO	13/12/2004	Nam	1	32.5	
28	126386	NGUYỄN HÀ CHIẾN	07/01/2004	Nam	1	28.25	

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
THPT TRƯỜNG CHINH

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
29	126396	PHAN QUỐC CƯỜNG	12/02/2004	Nam	1	27.5	
30	126398	VÕ CHÍ CƯỜNG	03/10/2004	Nam	2	30.75	
31	126403	PHẠM ANH ĐÀO	18/04/2004	Nữ	2	28.5	
32	126407	LÊ MINH ĐẠT	16/04/2004	Nam	2	28.75	
33	126412	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	08/12/2004	Nam	1	30.5	
34	126416	TRẦN TẤN ĐẠT	12/04/2004	Nam	1	29.25	
35	126438	TRẦN ĐỖ ANH ĐỨC	07/12/2004	Nam	1	28.75	
36	126440	TRÌNH QUANG ĐỨC	25/11/2004	Nam	1	28	
37	126444	LÊ NGỌC PHƯƠNG DUNG	10/09/2004	Nữ	2	29.25	
38	126447	TRẦN THỊ MỸ DUNG	04/10/2004	Nữ	1	29	
39	126448	LÊ TRUNG DŨNG	06/11/2004	Nam	2	30.75	
40	126451	PHAN MẠNH DŨNG	14/03/2004	Nam	1	30.75	
41	126460	NGUYỄN NGỌC THÙY DƯƠNG	16/09/2004	Nữ	1	29.25	
42	126466	LÊ NGUYỄN ANH DUY	20/07/2004	Nam	2	28.75	
43	126475	TRẦN MINH THU GIANG	01/03/2004	Nữ	2	29.5	
44	126480	LÊ DUY HÀ	28/09/2004	Nam	1	29.25	
45	126481	LÊ NGUYỆT HÀ	04/03/2004	Nữ	1	32.25	
46	126487	NGUYỄN THANH HẢI	19/06/2004	Nam	1	35.25	
47	126490	TRƯƠNG HÙNG HẢI	17/09/2004	Nam	2	30.25	
48	126497	LÊ NGỌC HÂN	22/02/2004	Nữ	1	29.5	
49	126500	NGUYỄN NGỌC HÂN	31/07/2004	Nữ	2	28	
50	126505	TRẦN MỸ HÂN	22/10/2004	Nữ	1	34.25	
51	126506	TRẦN NGỌC GIA HÂN	07/04/2004	Nữ	1	33	
52	126508	DIỆP ĐỖ THANH HẰNG	11/01/2004	Nữ	2	32	
53	126509	HOÀNG THỊ THÚY HẰNG	19/09/2004	Nữ	1	32.5	
54	126518	VŨ THỊ MỸ HẢO	02/11/2004	Nữ	1	28.25	
55	126522	ĐỖ THỊ THU HIỀN	17/10/2004	Nữ	2	28	
56	126523	DƯƠNG THU HIỀN	27/01/2004	Nữ	2	33.75	

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
THPT TRƯỜNG CHINH

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
57	126537	ĐẶNG MINH HIẾU	13/02/2004	Nam	2	29.25	
58	126544	NGUYỄN LÊ TRUNG HIẾU	27/12/2004	Nam	1	33.5	
59	126556	TRẦN TRUNG HIẾU	23/05/2004	Nam	2	33.75	
60	126558	LÊ THỊ HOA	14/06/2004	Nữ	1	33.75	
61	126562	ĐOÀN LÊ XUÂN HOÀNG	12/07/2004	Nam	1	32.5	
62	126569	NGUYỄN HUY HOÀNG	08/07/2004	Nam	2	28.5	
63	126570	NGUYỄN HUY HOÀNG	07/10/2004	Nam	1	31.75	
64	126576	PHAN HUY HOÀNG	08/11/2004	Nam	1	28.25	
65	126582	VÕ VIỆT HOÀNG	20/11/2004	Nam	2	29.75	
66	126589	HOÀNG VĂNG THẾ HÙNG	01/04/2004	Nam	1	27.5	
67	126591	LÊ VIỆT HÙNG	07/09/2004	Nam	1	32.75	
68	126596	ĐỖ BÙI THANH HÙNG	13/09/2004	Nam	1	31.25	
69	126597	LÊ MINH HÙNG	03/06/2004	Nam	2	29.25	
70	126606	NGUYỄN HUỲNH XUÂN HƯƠNG	12/02/2004	Nữ	2	30.5	
71	126610	NGUYỄN THANH HƯƠNG	22/05/2004	Nữ	1	29.25	
72	126613	VŨ LÊ QUỲNH HƯƠNG	16/08/2004	Nữ	1	29.25	
73	126617	BÙI ANH HUY	25/09/2004	Nam	1	28.5	
74	126618	ĐẶNG TẤN HUY	09/12/2004	Nam	1	28.25	
75	126619	ĐÀO GIA HUY	12/03/2004	Nam	1	31	
76	126620	ĐOÀN NGUYỄN NHẬT HUY	01/03/2004	Nam	1	27.5	
77	126635	NGUYỄN QUANG HUY	21/04/2004	Nam	2	28	
78	126644	TRƯƠNG THANH HUY	20/03/2004	Nam	1	28	
79	126647	ĐOÀN KHÁNH HUYỀN	13/04/2004	Nữ	1	29	
80	126652	NGUYỄN THỊ KHÁNH HUYỀN	17/05/2004	Nữ	1	31.5	
81	126658	TRẦN THỊ MINH HUYỀN	14/04/2004	Nữ	2	32.75	
82	126662	VÕ HOÀNG KHA	03/06/2004	Nam	1	30.25	
83	126683	NGUYỄN HỮU ANH KHOA	08/03/2004	Nam	1	32	
84	126684	PHẠM ĐĂNG KHOA	20/07/2004	Nam	1	30	

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
THPT TRƯỜNG CHINH

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
85	126699	NGUYỄN TẤN KIỆT	16/01/2004	Nam	1	30.5	
86	126701	PHẠM MAI TUẤN KIỆT	22/01/2004	Nam	1	29.5	
87	126708	TRẦN MỸ KIM	03/08/2004	Nữ	1	33.25	
88	126730	ĐINH THỊ THÙY LINH	30/08/2004	Nữ	1	29.5	
89	126733	NGUYỄN ĐÌNH KHÁNH LINH	14/11/2004	Nữ	1	30.75	
90	126752	TRẦN THỊ MỸ LINH	13/01/2004	Nữ	2	30	
91	126753	TRẦN THỤY TUYẾT LINH	03/07/2004	Nữ	1	31.25	
92	126756	TRỊNH KHÁNH LINH	21/04/2004	Nữ	1	29	
93	126770	NGUYỄN THỊ THẢO LY	29/07/2004	Nữ	1	33.25	
94	126771	NGUYỄN TRẦN CẨM LY	24/03/2004	Nữ	1	31.5	
95	126785	PHẠM TIẾN MẠNH	24/03/2004	Nam	2	30	
96	126786	PHẠM VĂN MẠNH	09/12/2004	Nam	1	29.25	
97	126790	ĐÀO QUANG MINH	18/07/2004	Nam	2	32.75	
98	126804	NGUYỄN LÂM DÁNG MY	06/12/2004	Nữ	2	30.75	
99	126815	ĐẶNG LÊ HOÀI NAM	18/02/2004	Nam	1	37.25	
100	126820	LÊ HOÀI NAM	09/02/2004	Nam	2	30.75	
101	126824	NGUYỄN HOÀNG NAM	09/11/2004	Nam	2	30.25	
102	126832	TRẦN NGUYỄN THÀNH NAM	29/07/2004	Nam	1	29.5	
103	126837	NGUYỄN PHƯƠNG NGÀ	25/08/2004	Nữ	1	31.5	
104	126838	TRẦN THỊ NGÀ	27/09/2004	Nữ	1	28.75	
105	126841	ĐẶNG THỊ HIẾU NGÂN	19/01/2003	Nữ	1	28.5	
106	126855	NGUYỄN TRẦN MỸ NGÂN	19/10/2004	Nữ	1	29.75	
107	126862	LÊ MẪN NGHI	19/06/2004	Nữ	1	30.5	
108	126863	NGUYỄN HOÀNG ĐÔNG NGHI	05/09/2004	Nữ	1	31.5	
109	126866	TRẦN GIA NGHI	29/12/2004	Nữ	1	27.75	
110	126867	TRẦN MAI HỒNG NGHI	26/08/2004	Nữ	1	28.25	
111	126869	TRẦN THÁI PHƯƠNG NGHI	02/07/2004	Nữ	2	30.75	
112	126871	ĐOÀN ĐẠI NGHĨA	12/09/2004	Nam	2	29.5	

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
THPT TRƯỜNG CHINH

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
113	126875	PHẠM QUANG MINH NGHĨA	25/09/2004	Nam	1	29.5	
114	126889	NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC	20/08/2004	Nữ	1	28.75	
115	126891	TRẦN BẢO NGỌC	27/11/2004	Nữ	2	30.25	
116	126893	TRẦN HUỖNH BẢO NGỌC	04/07/2004	Nữ	1	34.75	
117	126909	TRẦN THANH NHÀN	04/06/2004	Nữ	2	28.5	
118	126913	NGUYỄN THÁI TRỌNG NHÂN	18/02/2004	Nam	1	33.75	
119	126915	TRANG THÀNH NHÂN	16/02/2004	Nam	1	27.75	
120	126916	BÙI NGUYỄN MINH NHẬT	12/08/2004	Nam	1	33	
121	126921	CAO YẾN NHI	21/07/2004	Nữ	1	28.25	
122	126922	ĐÀO THÀNH YẾN NHI	05/05/2004	Nữ	2	29.5	
123	126934	LÊ THỊ Ý NHI	21/11/2004	Nữ	1	34.75	
124	126937	NGUYỄN NGỌC BẢO NHI	13/10/2004	Nữ	1	28.5	
125	126941	NGUYỄN QUỲNH NHI	05/12/2004	Nữ	1	32.25	
126	126953	VŨ PHƯƠNG NHI	18/07/2004	Nữ	2	30.75	
127	126955	DANH VÕ QUỲNH NHƯ	08/04/2004	Nữ	1	34.5	
128	126957	LÊ YẾN NHƯ	14/04/2004	Nữ	1	28	
129	126961	NGUYỄN HOÀNG TÂM NHƯ	30/03/2004	Nữ	1	33	
130	126962	NGUYỄN LƯƠNG TỔ NHƯ	02/01/2004	Nữ	2	30	
131	126964	NGUYỄN QUỲNH NHƯ	18/06/2004	Nữ	1	29.25	
132	126972	AN THỊ HỒNG NHUNG	12/10/2004	Nữ	2	30.25	
133	126977	NGUYỄN LÊ TUYẾT NHUNG	21/04/2004	Nữ	1	29.5	
134	126982	DƯƠNG THỊ THÙY NINH	09/03/2004	Nữ	2	28	
135	126993	LÊ THÀNH PHÁT	07/07/2004	Nam	2	33.25	
136	127043	VŨ QUỲNH PHƯƠNG	04/02/2004	Nữ	2	28.5	
137	127044	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	27/12/2004	Nữ	1	30	
138	127047	HOÀNG MINH QUÂN	22/08/2004	Nam	1	30.25	
139	127049	LÊ PHÚ QUÂN	15/02/2004	Nam	1	32.75	
140	127054	PHẠM MINH QUÂN	04/08/2004	Nam	1	28.25	

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
THPT TRƯỜNG CHINH

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
141	127060	NGUYỄN DUY QUANG	27/02/2004	Nam	1	29	
142	127070	LÊ ĐỖ THÚY QUYÊN	20/06/2004	Nữ	1	28.5	
143	127072	NGUYỄN TRẦN THẢO QUYÊN	14/10/2004	Nữ	1	27.5	
144	127077	LƯU THỊ MỸ QUỲNH	08/01/2004	Nữ	1	31.5	
145	127083	NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	21/04/2004	Nữ	1	32.25	
146	127089	VŨ NGUYỄN NHƯ QUỲNH	30/12/2004	Nữ	1	28.5	
147	127091	NGUYỄN ĐỨC SANG	08/03/2004	Nam	1	30.5	
148	127094	NGUYỄN MINH SANH	04/08/2004	Nam	1	30.5	
149	127095	TRƯƠNG ĐÌNH SIÊU	20/06/2004	Nam	2	31.75	
150	127097	NGUYỄN VĂN SƠN	29/10/2004	Nam	1	30.75	
151	127100	TRẦN LAM SƠN	27/01/2004	Nam	1	32	
152	127101	VŨ NGUYỄN NGỌC SƠN	02/11/2004	Nam	1	27.5	
153	127123	PHẠM THỊ THANH TÂM	20/10/2004	Nữ	2	30.25	
154	127137	PHẠM ĐÌNH TOÀN THẮNG	01/12/2004	Nam	1	34.75	
155	127139	HỒ TRỌNG DUY THANH	26/01/2004	Nam	1	33.5	
156	127142	NGUYỄN NGỌC DUY THANH	04/09/2004	Nam	1	29	
157	127163	NGUYỄN THỊ THẢO	25/11/2004	Nữ	1	28	
158	127179	PHẠM VŨ BẢO THIÊN	27/10/2004	Nam	1	28.5	
159	127187	NGUYỄN THỊ HUYỀN THƠ	14/09/2004	Nữ	2	29.25	
160	127197	LÊ MINH THU'	16/01/2004	Nữ	1	27.5	
161	127210	NGUYỄN THỊ ANH THU'	13/08/2004	Nữ	2	29.5	
162	127212	NGUYỄN TRẦN MINH THU'	01/11/2004	Nữ	1	31.5	
163	127216	TRẦN ANH THU'	20/09/2004	Nữ	2	28	
164	127219	TRƯƠNG THỊ ANH THU'	01/01/2004	Nữ	2	28.25	
165	127220	VÕ ANH THU'	11/01/2004	Nữ	2	30.25	
166	127226	BÙI ĐÌNH THỤ	27/12/2004	Nam	1	32.25	
167	127234	PHẠM NGỌC DIỄM THÚY	02/04/2004	Nữ	2	29	
168	127256	HUỲNH TRUNG TÍN	28/01/2004	Nam	1	29	

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
THPT TRƯỜNG CHINH

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
169	127267	LÊ THỊ BẢO TRÂM	14/07/2004	Nữ	1	29.25	
170	127269	NGUYỄN NGỌC TRÂM	14/08/2004	Nữ	1	29.75	
171	127270	PHAN THỊ NGỌC TRÂM	03/08/2003	Nữ	1	28.75	
172	127273	NGUYỄN NGỌC TRÂN	19/06/2004	Nữ	1	27.5	
173	127276	CAO NGUYỄN THẢO TRANG	03/01/2004	Nữ	1	32.75	
174	127289	NGUYỄN THÙY TRANG	01/09/2004	Nữ	1	33.5	
175	127293	TRẦN VŨ THÙY TRANG	19/03/2004	Nữ	1	33.25	
176	127299	VŨ GIA TRÍ	29/10/2004	Nam	1	35.25	
177	127302	ĐỖ VŨ KIỀU TRINH	02/01/2004	Nữ	2	30.75	
178	127316	LÊ ĐỨC TRUNG	03/12/2004	Nam	2	28.25	
179	127324	TRẦN KIM TÚ	13/11/2004	Nữ	1	28.25	
180	127326	ĐỖ HOÀNG TUẤN	02/02/2004	Nam	2	29.75	
181	127332	NGUYỄN LÊ MINH TUẤN	04/06/2004	Nam	1	29.25	
182	127358	LÊ THỊ TƯỜNG VI	24/11/2004	Nữ	1	28.75	
183	127366	HOÀNG QUANG VINH	11/10/2004	Nam	1	34.25	
184	127372	LÊ ĐỨC HOÀNG VŨ	31/01/2004	Nam	2	29.75	
185	127388	HUỖNH VY	02/05/2004	Nữ	1	28.5	
186	127389	LÊ KHÁNH VY	24/03/2004	Nữ	2	30.75	
187	127396	NGUYỄN THỊ TƯỜNG VY	13/11/2004	Nữ	1	31.25	
188	127408	VŨ TÚ VY	16/02/2004	Nữ	1	30.5	
189	127416	VŨ THỊ NHƯ Ý	11/01/2004	Nữ	1	33.5	
190	127421	VÕ THỊ KIM YÊN	12/08/2004	Nữ	1	29	
191	127427	VĂN MINH AN	10/11/2004	Nam	2	28	
192	127436	ĐẶNG ĐỨC ANH	13/01/2004	Nam	2	30.75	
193	127454	TẠ HÀ QUỲNH ANH	17/05/2004	Nữ	2	33	
194	127466	HUỖNH THỊ NGỌC ÁNH	28/02/2004	Nữ	1	28.5	
195	127488	TRỊNH THÀNH CÔNG	18/01/2004	Nam	2	30	
196	127521	HỒ VĂN ĐỨC	10/08/2004	Nam	2	29	

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
THPT TRƯỜNG CHINH

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
197	127534	NGUYỄN TÙNG DƯƠNG	25/11/2004	Nam	1	34.25	
198	127537	HUỖNH BẢO DUY	22/10/2004	Nam	1	28.25	
199	127556	PHẠM THỊ THU GIANG	24/11/2004	Nữ	2	29.5	
200	127573	TRƯƠNG GIA HÂN	12/05/2004	Nữ	1	28.75	
201	127606	NGUYỄN THỊ THU HOÀI	06/07/2004	Nữ	1	30	
202	127620	TRƯƠNG ĐỨC HOÀNG	15/09/2004	Nam	2	30.25	
203	127657	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	28/07/2004	Nam	1	29.5	
204	127661	NGÔ ANH KHOA	20/07/2004	Nam	2	31.75	
205	127667	TRẦN HÙNG ĐĂNG KHOA	25/04/2004	Nam	1	33.5	
206	127677	VŨ TUẤN KIẾT	28/11/2004	Nam	1	28.25	
207	127683	VÕ HOÀNG LÂM	01/01/2004	Nam	2	28.5	
208	127684	HUỖNH NGUYỄN NHƯ LAN	13/12/2003	Nữ	1	28.5	
209	127697	NGUYỄN ÁNH LINH	01/12/2003	Nữ	2	29	
210	127699	NGUYỄN HỒNG TÀI LINH	21/02/2004	Nữ	1	28	
211	127702	NGUYỄN THỊ DIỆU LINH	03/09/2004	Nữ	1	30.5	
212	127706	TỔNG KHÁNH LINH	16/11/2004	Nữ	2	29.25	
213	127725	VÕ THỊ KIM LUYẾN	27/07/2004	Nữ	2	29.25	
214	127731	HOÀNG THỊ NGỌC MAI	08/07/2004	Nữ	1	30.5	
215	127747	TRẦN TÙNG MINH	17/12/2004	Nam	1	30	
216	127778	NGUYỄN PHẠM THẢO NGÂN	16/11/2004	Nữ	1	29.75	
217	127780	PHẠM HOÀNG KIM NGÂN	09/02/2004	Nữ	2	29.25	
218	127808	NGUYỄN MINH NHẬT	28/08/2004	Nam	1	28.75	
219	127876	PHAN NGUYỄN XUÂN PHÚC	05/06/2004	Nữ	1	31	
220	127883	VŨ HOÀNG PHƯỚC	30/05/2004	Nam	2	29.25	
221	127895	ĐẶNG TRUNG QUÂN	05/10/2004	Nam	1	28	
222	127905	PHAN MINH QUANG	12/11/2004	Nam	2	28.5	
223	127928	TRẦN LÊ MỸ QUỲNH	05/03/2004	Nữ	1	28.25	
224	127943	LÊ ĐOÀN ANH TÀI	06/04/2004	Nam	1	28	

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
THPT TRƯỜNG CHINH

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
225	127967	TRẦN NGUYỄN HỮU THẮNG	01/01/2004	Nam	1	29.75	
226	127971	NGUYỄN THỊ TUYẾT THANH	05/06/2004	Nữ	1	27.5	
227	127989	NGUYỄN NGỌC THẢO	11/11/2004	Nữ	2	30.75	
228	127991	NGUYỄN THỊ THANH THẢO	19/03/2004	Nữ	2	29.25	
229	127998	HUỲNH PHÚC THIÊN	21/12/2004	Nam	2	30.25	
230	128043	TRỊNH THANH THỦY	04/10/2004	Nữ	1	29.75	
231	128047	NGUYỄN HOÀNG MINH THY	03/12/2004	Nữ	2	29.5	
232	128064	NGUYỄN THỊ NGỌC TRÂM	10/10/2004	Nữ	1	29.25	
233	128070	CAO THÙY TRANG	28/02/2004	Nữ	1	30	
234	128075	NGUYỄN QUỲNH TRANG	13/10/2004	Nữ	2	30.5	
235	128109	MAI ĐỨC TRUNG	27/05/2004	Nam	2	29.5	
236	128112	PHAN THÀNH TRUNG	10/02/2004	Nam	1	27.75	
237	128114	VŨ HUY THÀNH TRUNG	29/08/2004	Nam	1	27.75	
238	128119	NGUYỄN PHI TRƯỜNG	11/04/2004	Nam	2	29.25	
239	128148	TRẦN THỊ THỰC UYÊN	19/12/2004	Nữ	2	28.25	
240	128155	NGUYỄN CÔNG VĂN	22/09/2004	Nam	2	30.25	
241	128173	ĐINH LÊ HỒNG YẾN VY	26/06/2004	Nữ	2	29.5	
242	128193	ĐÀO THÚY AN	17/12/2004	Nữ	1	32.25	
243	128197	LÊ NGUYỄN NHẬT AN	16/07/2004	Nam	1	31	
244	128200	NGUYỄN THÁI BẢO AN	24/08/2004	Nam	2	28.5	
245	128204	CHU LÊ MINH ANH	17/08/2004	Nữ	2	31.75	
246	128206	ĐẶNG VÂN ANH	21/05/2004	Nữ	1	28.25	
247	128207	ĐÀO THỊ VÂN ANH	15/07/2004	Nữ	1	28.75	
248	128210	HÁN PHƯƠNG ANH	16/01/2004	Nữ	1	28	
249	128215	HUỲNH MAI ANH	13/05/2004	Nữ	1	30.25	
250	128233	NGUYỄN THỊ NHƯ ANH	18/10/2004	Nữ	1	33.25	
251	128235	NGUYỄN THỊ TRÂM ANH	23/06/2004	Nữ	1	32.25	
252	128237	NGUYỄN THỊ VÂN ANH	15/04/2004	Nữ	1	29.5	

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
THPT TRƯỜNG CHINH

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
253	128242	NGUYỄN TRẦN PHƯƠNG ANH	29/07/2004	Nữ	1	32.5	
254	128245	PHẠM NGUYỄN MINH ANH	28/10/2004	Nữ	1	31.75	
255	128252	VĂN TRỌNG PHƯƠNG ANH	20/02/2004	Nữ	2	32.75	
256	128270	TRẦN XUÂN TRIỆU BẢO	05/07/2004	Nam	1	32.25	
257	128273	LÊ QUÂN BẢO	04/03/2004	Nam	1	34	
258	128276	NGÔ TRẦN GIA BẢO	15/12/2004	Nam	1	27.75	
259	128277	NGUYỄN DUY BẢO	15/06/2004	Nam	1	28	
260	128279	NGUYỄN HOÀNG GIA BẢO	02/06/2004	Nam	1	33	
261	128284	QUÁCH NGUYỄN THIÊN BẢO	02/07/2004	Nam	1	27.75	
262	128291	LÊ SỸ BÌNH	23/08/2004	Nam	1	34.75	
263	128292	MAI NGUYỄN THANH BÌNH	13/08/2004	Nam	2	30	
264	128295	NGUYỄN QUỐC BÌNH	28/01/2004	Nam	1	31.5	
265	128300	LÊ NGỌC MINH CHÂU	16/02/2004	Nữ	1	38.25	
266	128302	NGUYỄN HOÀNG BẢO CHÂU	12/02/2004	Nữ	1	34.25	
267	128310	TRẦN MỸ CHI	04/09/2004	Nữ	1	27.5	
268	128320	NGUYỄN VŨ ĐỨC CƯỜNG	29/01/2004	Nam	1	30.25	
269	128323	TRẦN MẠNH CƯỜNG	12/11/2004	Nam	1	30.75	
270	128326	VƯƠNG QUANG THÀNH ĐẠI	01/02/2004	Nam	3	29	
271	128357	NGUYỄN VĂN ĐÔNG	24/04/2004	Nam	2	29	
272	128365	PHẠM DUY ĐỨC	04/07/2004	Nam	1	32.75	
273	128371	NGUYỄN ĐOÀN THUY DUNG	07/09/2004	Nữ	1	28.5	
274	128378	NGUYỄN ĐĂNG DŨNG	16/12/2004	Nam	1	29.5	
275	128392	LÊ HOÀNG KHÁNH DUY	13/09/2004	Nam	2	30	
276	128400	NGUYỄN QUỐC DUY	29/01/2004	Nam	2	30.25	
277	128403	TRẦN ĐỨC DUY	06/10/2004	Nam	1	28	
278	128412	TRẦN THỊ MỸ DUYÊN	16/02/2004	Nữ	1	29.25	
279	128415	BÙI ĐÀO KHÁNH GIANG	18/07/2004	Nữ	1	36.75	
280	128416	NGUYỄN THỊ AN GIANG	25/06/2004	Nữ	1	35	

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
THPT TRƯỜNG CHINH

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
281	128423	MAI THỊ THÚY HÀ	23/10/2004	Nữ	1	27.75	
282	128426	PHÙNG MINH HÀ	16/12/2004	Nữ	2	28.25	
283	128442	NGUYỄN NGỌC HÂN	05/06/2004	Nam	1	31	
284	128445	ĐỖ HUỲNH THANH HẰNG	11/09/2004	Nữ	1	31.25	
285	128448	NGUYỄN THỊ MINH HẰNG	07/11/2004	Nữ	1	28	
286	128450	TẠ MỸ HẰNG	19/03/2004	Nữ	1	35.25	
287	128451	VŨ BÍCH HẰNG	23/07/2004	Nữ	1	33.5	
288	128453	NGUYỄN HỒNG HẠNH	19/10/2004	Nữ	1	30.5	
289	128471	LÊ MẠNH HIẾU	28/12/2004	Nam	1	29.5	
290	128485	CAO XUÂN HOÀN	12/01/2004	Nam	1	27.5	
291	128487	ĐỖ ĐOÀN VIỆT HOÀNG	22/12/2003	Nam	1	28.5	
292	128490	NGUYỄN QUỐC HOÀNG	04/10/2004	Nam	1	28.25	
293	128494	TRẦN PHI HOÀNG	01/12/2004	Nam	1	29	
294	128495	TRỊNH MINH HOÀNG	29/07/2004	Nam	1	29.5	
295	128497	PHAN THANH HỢP	06/07/2004	Nam	1	33	
296	128498	LÊ THỊ HUỆ	15/05/2004	Nữ	2	30.75	
297	128501	ĐỖ HUY HÙNG	29/06/2004	Nam	1	33.5	
298	128509	NGUYỄN MẠNH HÙNG	19/02/2004	Nam	1	37	
299	128510	NGUYỄN QUỐC HÙNG	15/11/2004	Nam	2	33.5	
300	128512	VÕ TUẤN HÙNG	04/11/2004	Nam	1	31.5	
301	128513	HỒ HỮU QUỲNH HƯƠNG	06/10/2004	Nữ	1	29	
302	128516	NGÔ THANH HƯƠNG	16/05/2004	Nữ	1	33	
303	128518	TRẦN THỊ LAN HƯƠNG	30/01/2004	Nữ	1	37.75	
304	128546	NGUYỄN QUỐC HUY	27/08/2004	Nam	2	30.5	
305	128550	NGUYỄN TƯỜNG HUY	27/11/2004	Nam	1	29.25	
306	128560	VŨ THANH HUYỀN	09/04/2004	Nữ	1	31.5	
307	128572	NGUYỄN DUY KHANG	17/09/2004	Nam	2	32.25	
308	128578	NGUYỄN NGỌC VÂN KHANH	15/04/2004	Nữ	1	31.5	

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
THPT TRƯỜNG CHINH

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
309	128582	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	14/08/2004	Nam	2	31	
310	128587	LÂM NGỌC ĐĂNG KHOA	19/02/2004	Nam	1	31.5	
311	128589	LÊ ANH KHOA	06/08/2004	Nam	1	34.5	
312	128594	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	19/09/2004	Nam	1	30	
313	128595	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	08/08/2004	Nam	1	30	
314	128598	NGUYỄN NGỌC ANH KHOA	14/06/2004	Nam	1	28.25	
315	128605	BÙI CAO ANH KHÔI	02/01/2004	Nam	1	33	
316	128617	GIANG TUẤN KIẾT	17/04/2004	Nam	1	29.25	
317	128620	LÊ GIA KIẾT	12/02/2004	Nam	1	30.75	
318	128621	LÊ NHẬT KIẾT	27/02/2004	Nam	1	36.25	
319	128638	CAO THỊ DIỆU LINH	05/07/2004	Nữ	1	29.5	
320	128640	ĐINH THỊ DIỆU LINH	26/01/2004	Nữ	1	29	
321	128649	NGUYỄN NGỌC KHÁNH LINH	08/06/2003	Nữ	2	28.5	
322	128657	TRẦN THỊ PHƯƠNG LINH	13/01/2004	Nữ	2	30.5	
323	128659	TRỊNH THÙY LINH	23/08/2004	Nữ	2	29.75	
324	128660	TRƯƠNG MỸ LINH	27/02/2004	Nữ	1	30.5	
325	128667	NGUYỄN ĐỨC LONG	08/09/2004	Nam	2	33.5	
326	128677	NGUYỄN QUỲNH LY	23/01/2004	Nữ	1	28.5	
327	128683	TRẦN THỊ TUYẾT MAI	22/12/2004	Nữ	1	27.5	
328	128691	ĐỖ NGUYỄN HOÀNG MINH	01/01/2004	Nam	1	27.5	
329	128699	VŨ NGỌC MINH	06/06/2004	Nữ	1	28.25	
330	128700	ĐẶNG THỊ TRÀ MY	28/08/2004	Nữ	2	30.75	
331	128704	NGUYỄN NGỌC TRÀ MY	06/11/2004	Nữ	1	28.75	
332	128708	TRẦN TRÀ MY	11/04/2004	Nữ	1	32.25	
333	128710	TRẦN THỊ NHƯ MỸ	19/05/2004	Nữ	2	29.5	
334	128715	LÊ DOÃN HẢI NAM	06/03/2004	Nam	1	33	
335	128719	NGÔ PHƯƠNG NAM	12/03/2004	Nam	1	27.5	
336	128728	LÂM PHẠM THIÊN NGÀ	19/08/2004	Nữ	1	32.75	

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
THPT TRƯỜNG CHINH

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
337	128735	LÝ THANH NGÂN	25/06/2004	Nữ	1	32.5	
338	128736	NGUYỄN ĐẶNG SONG NGÂN	18/08/2004	Nữ	1	27.75	
339	128739	NGUYỄN THỊ THANH NGÂN	02/01/2004	Nữ	2	28.75	
340	128741	NGUYỄN THỊ THU NGÂN	28/06/2004	Nữ	1	34.5	
341	128746	PHAN THUY KIM NGÂN	18/02/2004	Nữ	1	29	
342	128748	TRẦN HUỖNH NGÂN	01/02/2004	Nữ	1	27.5	
343	128753	LÊ PHẠM ĐÔNG NGHI	10/01/2004	Nữ	1	27.5	
344	128756	TRẦN HIỂU NGHI	22/10/2004	Nữ	1	27.75	
345	128761	HÀN MINH NGHĨA	04/12/2004	Nam	1	28	
346	128764	ĐỖ BẢO NGỌC	09/04/2004	Nữ	1	37.75	
347	128768	LÊ BẢO NGỌC	21/11/2004	Nữ	1	31.5	
348	128773	NGUYỄN HỒNG NGỌC	29/04/2004	Nữ	2	30.5	
349	128785	ĐẶNG DƯƠNG NGUYỄN	08/08/2004	Nam	2	28.25	
350	128799	HUỖNH THỊ THANH NHÃ	04/08/2004	Nữ	2	32	
351	128801	LÂM HOÀNG NHÂN	08/07/2004	Nam	1	29.25	
352	128802	NGUYỄN TRUNG NHÂN	27/04/2004	Nam	1	31	
353	128805	TRỊNH NGỌC NHẬT	28/06/2004	Nam	1	28.5	
354	128807	TRẦN HIỂU NHẬT	04/05/2004	Nam	1	35.25	
355	128808	VŨ MINH NHẬT	13/01/2004	Nam	1	29.25	
356	128814	HỒ THỊ YẾN NHI	20/05/2004	Nữ	2	30.5	
357	128816	LÊ NGUYỄN UYÊN NHI	30/11/2004	Nữ	1	38.25	
358	128818	LƯƠNG NGUYỄN YẾN NHI	20/05/2004	Nữ	1	31	
359	128819	LÝ THỊ YẾN NHI	09/04/2004	Nữ	1	32	
360	128821	NGUYỄN ĐỖ NGUYỆT NHI	12/07/2004	Nữ	1	28.5	
361	128842	LÊ THỊ QUỲNH NHƯ	14/09/2004	Nữ	1	33.75	
362	128843	LƯƠNG THỊ HUỖNH NHƯ	02/10/2004	Nữ	1	31.25	
363	128844	NGÔ THANH QUỲNH NHƯ	16/10/2004	Nữ	1	28	
364	128854	NGUYỄN TẤN MINH NHỰT	13/07/2004	Nam	1	31.25	

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
THPT TRƯỜNG CHINH

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
365	128857	BÙI THỊ KIM OANH	06/07/2004	Nữ	1	29	
366	128870	VŨ ĐÌNH PHI	09/02/2004	Nam	1	31	
367	128882	PHẠM THANH PHÚC	10/11/2004	Nam	1	27.75	
368	128889	PHAN THỊ THANH PHỤNG	10/03/2004	Nữ	1	29.75	
369	128901	NGUYỄN HỒ ANH PHƯƠNG	19/03/2004	Nam	1	33.25	
370	128906	NGUYỄN VŨ DUY PHƯƠNG	17/11/2004	Nam	1	35	
371	128916	NGUYỄN MINH QUÂN	09/02/2004	Nam	2	30	
372	128924	HÀ NHẬT QUANG	10/01/2004	Nam	2	29.75	
373	128925	TRẦN ĐĂNG QUANG	10/02/2004	Nam	1	34.5	
374	128928	LÊ ANH QUỐC	03/06/2004	Nam	1	28.5	
375	128938	NGÔ LÊ DIỄM QUỲNH	27/02/2004	Nữ	2	33.5	
376	128939	NGUYỄN LÊ DUNG QUỲNH	22/09/2004	Nữ	1	27.75	
377	128957	PHAN MINH SƠN	25/06/2004	Nam	1	30	
378	128962	LÊ PHƯỚC ĐỨC TÀI	21/02/2004	Nam	1	30.75	
379	128963	PHẠM TẤN TÀI	17/03/2004	Nam	1	28	
380	128964	VÕ ĐỨC TÀI	27/03/2004	Nam	1	28.25	
381	128975	TRẦN MINH TÂN	05/09/2004	Nam	1	27.75	
382	128979	BÙI SƠN THÁI	29/01/2004	Nam	2	29	
383	128983	NGUYỄN HOÀNG THÁI	24/02/2004	Nam	1	28	
384	128991	TRẦN TRỌNG THẮNG	09/02/2004	Nam	2	29	
385	128995	BÙI MINH THÀNH	09/03/2004	Nam	2	30.25	
386	129011	PHẠM THỊ THANH THẢO	08/04/2004	Nữ	1	29.25	
387	129016	NGUYỄN NHẬT THI	13/04/2004	Nữ	1	28.25	
388	129018	PHẠM HỒ NHÃ THI	08/08/2004	Nữ	1	28.75	
389	129029	PHẠM NGUYỄN PHƯỚC THỊNH	19/07/2004	Nam	2	30.75	
390	129036	TRẦN QUANG THÔNG	08/01/2004	Nam	1	28	
391	129037	ĐÀO NGUYỄN ANH THU'	30/05/2004	Nữ	1	27.5	
392	129043	NGUYỄN ĐOÀN MINH THU'	16/11/2004	Nữ	1	29.25	

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
THPT TRƯỜNG CHINH

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
393	129044	NGUYỄN NGỌC ANH THU'	19/09/2004	Nữ	1	28	
394	129049	NGUYỄN VÕ PHƯƠNG THU'	14/06/2004	Nữ	1	32	
395	129058	PHAN LÊ MINH THU'	18/08/2004	Nữ	1	28.25	
396	129059	PHAN THỊ ANH THU'	21/09/2004	Nữ	2	29.5	
397	129061	TRẦN NGUYỄN ANH THU'	01/01/2004	Nữ	2	29.5	
398	129066	TỪ THỊ MINH THU'	30/01/2004	Nữ	2	30.75	
399	129067	VÕ HIẾU MINH THU'	17/10/2004	Nữ	1	30	
400	129074	ĐẶNG TIẾN THUẬT	11/02/2004	Nam	1	35	
401	129075	NGUYỄN VĂN TIẾN THỨC	28/08/2004	Nam	1	28.5	
402	129077	HUỲNH LÊ MINH THƯƠNG	01/02/2004	Nữ	1	31.25	
403	129082	NGÔ NGUYỄN NGỌC THÚY	17/04/2004	Nữ	1	27.75	
404	129087	TRẦN THỊ THANH THÚY	15/07/2004	Nữ	2	29.75	
405	129089	NGUYỄN THỊ MINH THÙY	08/09/2004	Nữ	1	31.5	
406	129094	PHẠM VŨ THU THỦY	27/08/2004	Nữ	2	33.75	
407	129096	MAI ĐOÀN ÂN THY	08/09/2004	Nữ	2	30.75	
408	129099	PHAN KHÁNH MINH THY	01/01/2004	Nữ	1	29.75	
409	129105	NGUYỄN PHẠM QUỲNH TIÊN	22/06/2004	Nữ	1	36.5	
410	129109	NGUYỄN THỦY TIÊN	23/07/2004	Nữ	2	29.25	
411	129114	TRẦN THỊ THỦY TIÊN	05/04/2004	Nữ	1	29	
412	129115	TRỊNH THIÊN MỸ TIÊN	04/04/2004	Nữ	2	28.5	
413	129117	TRƯƠNG THỊ THỦY TIÊN	03/01/2004	Nữ	1	35	
414	129126	NGUYỄN THANH TỊNH	24/12/2003	Nam	1	27.75	
415	129134	ĐINH THỤY BÍCH TRÂM	18/05/2004	Nữ	1	30.5	
416	129144	TRỊNH HUYỀN TRÂN	05/09/2004	Nữ	1	33.25	
417	129145	BÙI HUỲNH MINH TRANG	01/03/2004	Nữ	2	29.5	
418	129146	BÙI NGỌC THÙY TRANG	24/07/2004	Nữ	1	31	
419	129159	NGUYỄN THỊ THÙY TRANG	19/09/2004	Nữ	1	29	
420	129167	VŨ MINH TRÍ	26/09/2004	Nam	1	28.5	

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
THPT TRƯỜNG CHINH

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
421	129168	NGUYỄN HẢI TRIỀU	30/07/2004	Nam	1	29.25	
422	129170	NGUYỄN HỒNG THÙY TRINH	25/10/2004	Nữ	1	32.75	
423	129176	MAI TRÚC	22/01/2004	Nữ	1	32.5	
424	129177	NGUYỄN HỒ THANH TRÚC	26/11/2004	Nữ	1	29.25	
425	129178	NGUYỄN HOÀNG XUÂN TRÚC	24/06/2004	Nữ	1	31.5	
426	129190	NGUYỄN TÀI TRUNG	26/07/2004	Nam	1	28.25	
427	129212	NGUYỄN PHẠM ANH TUẤN	22/05/2004	Nam	1	30.75	
428	129224	NGUYỄN ĐẶNG KIM TUYỀN	26/08/2004	Nữ	1	34.25	
429	129241	NGUYỄN THỊ TÚ UYÊN	06/02/2004	Nữ	1	33.75	
430	129257	LÊ HOÀNG YẾN VIÊN	29/08/2004	Nữ	1	37.75	
431	129260	TRẦN QUỐC VIỆT	12/07/2004	Nam	1	27.75	
432	129262	HOÀNG CÔNG VINH	30/03/2004	Nam	1	29.75	
433	129280	NGUYỄN QUỐC VƯƠNG	02/01/2004	Nam	1	30.75	
434	129285	DƯƠNG HUỲNH TRÚC VY	20/07/2004	Nữ	1	35.75	
435	129286	HOÀNG HÀ VY	23/05/2004	Nữ	1	28.25	
436	129290	LÊ KIỀU THÚY VY	15/04/2004	Nữ	1	31.25	
437	129295	LÝ HOÀNG YẾN VY	23/05/2004	Nữ	1	33.75	
438	129305	TRẦN NGỌC PHƯƠNG VY	03/06/2004	Nữ	1	29.5	
439	129309	TRƯƠNG YẾN VY	06/01/2004	Nữ	1	30	
440	129312	LƯƠNG NGUYỄN CHÍ VỸ	06/05/2004	Nam	1	34	
441	129321	Y NHƯ Ý	16/05/2003	Nữ	1	27.5	
442	129322	HUỲNH XUÂN YẾN	14/07/2004	Nữ	1	30.25	
443	129323	LÊ THỊ HẢI YẾN	13/01/2004	Nữ	1	29	
444	129328	NGUYỄN VY YẾN	16/08/2004	Nữ	2	29.25	
445	129330	TRẦN PHƯƠNG YẾN	15/10/2004	Nữ	1	30.75	
446	129343	TRẦN PHƯƠNG ANH	18/09/2004	Nữ	1	27.5	
447	129351	PHẠM THU ANH	06/05/2004	Nữ	1	29	
448	129354	TRƯƠNG NGỌC TRÂM ANH	21/09/2004	Nữ	1	30	

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
THPT TRƯỜNG CHINH

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
449	129362	HOÀNG CÔNG CHÍNH	10/12/2004	Nam	1	31	
450	129365	HỒ HẢI ĐĂNG	21/02/2004	Nam	1	33.25	
451	129367	LÊ MINH ĐẠT	24/05/2004	Nam	1	40.25	
452	129372	NGUYỄN VĂN DIỆN	04/05/2004	Nam	1	32.5	
453	129383	TRẦN ANH DŨNG	22/11/2003	Nam	1	31.75	
454	129384	HÀ KHÁNH DƯƠNG	16/12/2004	Nam	1	27.5	
455	129385	PHAN XUÂN THÙY DƯƠNG	02/09/2004	Nữ	1	30.25	
456	129395	ĐÌNH NGUYỄN KIỀU ĐẠI GIANG	13/01/2004	Nữ	1	33.25	
457	129398	PHẠM KIỀU GIANG	02/02/2004	Nữ	1	31	
458	129410	NGUYỄN THỊ NGỌC HÂN	07/09/2004	Nữ	2	29.25	
459	129411	PHẠM TRẦN GIA HÂN	14/10/2004	Nữ	2	29	
460	129421	TRẦN TRỌNG HIỆP	05/06/2004	Nam	1	28.5	
461	129429	NGUYỄN ĐỨC HÒA	04/04/2004	Nam	2	29.5	
462	129430	ĐÌNH QUANG KHẢI HOÀN	11/10/2004	Nam	1	30.5	
463	129441	TRẦN THỊ THU HƯƠNG	18/10/2004	Nữ	1	27.5	
464	129443	BÙI QUỐC HUY	28/04/2004	Nam	1	28.75	
465	129446	NGUYỄN TRỌNG HUY	21/01/2004	Nam	1	31	
466	129465	HUỲNH VŨ PHƯƠNG KHANH	01/06/2004	Nữ	2	29.75	
467	129469	TRẦN BÁ KHIÊM	27/02/2004	Nam	1	28	
468	129472	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	31/12/2003	Nam	1	28.75	
469	129475	VŨ ĐĂNG KHOA	23/06/2004	Nam	1	30.25	
470	129483	TỔNG ANH KIỆT	01/12/2004	Nam	1	27.5	
471	129511	NGUYỄN NHẬT MINH	30/08/2004	Nam	2	29.5	
472	129521	ĐỖ CHÂU NGÂN	01/02/2004	Nữ	1	29.25	
473	129529	HOÀNG TUYẾT NGÂN	01/03/2004	Nữ	1	29.75	
474	129546	TRƯƠNG ĐỒNG THẢO NGUYÊN	28/11/2004	Nữ	1	28	
475	129554	NGUYỄN NGỌC YẾN NHI	21/12/2004	Nữ	1	29	
476	129555	TRƯƠNG NGỌC YẾN NHI	15/02/2004	Nữ	1	31.25	

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
THPT TRƯỜNG CHINH

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
477	129577	TRƯƠNG HOÀNG BẢO PHÚC	05/05/2004	Nam	1	32.25	
478	129578	VŨ MINH PHÚC	01/03/2004	Nam	1	29.25	
479	129583	ĐƯỜNG BỬU PHƯƠNG	27/06/2004	Nữ	1	35.5	
480	129608	TRẦN PHƯỚC SANG	29/04/2004	Nam	1	30.5	
481	129609	NGUYỄN NAM SƠN	07/11/2004	Nam	2	30.75	
482	129611	HÙYNH NGỌC TÀI	03/01/2004	Nam	2	30.25	
483	129625	ĐÀO DUY THÀNH	11/09/2004	Nam	1	29.75	
484	129627	NINH ĐỨC THÀNH	14/11/2004	Nam	1	32.5	
485	129631	NGUYỄN THANH THẢO	15/02/2004	Nữ	1	29.5	
486	129654	PHAN THANH ANH THƯ	30/11/2004	Nữ	2	31.25	
487	129665	NGUYỄN NGỌC MINH THY	30/04/2004	Nữ	2	36.75	
488	129666	VŨ KIM THY	27/11/2004	Nữ	1	31.25	
489	129679	TRẦN THỊ NGỌC TRÂM	25/06/2004	Nữ	1	29	
490	129688	NGUYỄN LÊ BẢO TRÂN	19/05/2004	Nữ	1	27.75	
491	129692	NGUYỄN THỊ THANH TRANG	19/02/2004	Nữ	1	28.5	
492	129694	NGUYỄN THÀNH TRÍ	22/10/2004	Nam	2	32.25	
493	129695	PHẠM VŨ ANH TRÍ	14/02/2004	Nam	1	31.5	
494	129702	VÕ HUỲNH THANH TRÚC	06/11/2004	Nữ	1	32	
495	129703	HUỲNH THANH TRÚC	20/12/2004	Nữ	1	30.5	
496	129708	LÊ ANH TÚ	20/11/2004	Nam	1	35.25	
497	129709	LÊ NGỌC KHẢ TÚ	15/11/2004	Nữ	1	30.5	
498	129710	LÊ NGUYỄN TUẤN TÚ	21/10/2004	Nam	1	29.25	
499	129724	TRẦN MỸ UYÊN	16/11/2004	Nữ	2	30.25	
500	129734	ĐỖ QUANG VINH	26/02/2004	Nam	1	27.75	
501	133089	NGUYỄN THỤY BẢO TRÂN	11/10/2004	Nữ	2	28	
502	133360	PHẠM NHẬT ANH	10/01/2004	Nam	1	32.25	
503	134084	HUỲNH NGUYỄN XUÂN MAI	21/09/2004	Nữ	2	28.75	
504	134240	PHẠM THỊ MỸ NGỌC	19/01/2004	Nữ	1	28.5	

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
THPT TRƯỜNG CHINH

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
505	134262	LÊ VĂN KHÁNH NGUYỄN	25/01/2004	Nam	1	27.5	
506	134566	NGUYỄN PHƯỚC TRÍ TÀI	21/03/2004	Nam	2	28.5	
507	134808	ĐỖ KHUÛU GIA TOÀN	10/06/2004	Nam	1	29	
508	135065	ĐUỜNG PHAN THẢO VY	12/06/2004	Nữ	1	29.75	
509	135078	LÊ TRẦN NGỌC VY	12/12/2004	Nữ	2	28.25	
510	135150	LÊ PHAN PHƯƠNG AN	07/05/2004	Nữ	1	28.25	
511	135159	PHẠM NGỌC THẢO AN	15/03/2004	Nữ	1	33.25	
512	135166	HOÀNG ÂN	27/08/2004	Nam	1	29	
513	135169	NGUYỄN ĐỨC THIÊN ÂN	01/12/2004	Nam	2	28.5	
514	135174	NGUYỄN PHÚC ÂN	14/03/2004	Nam	2	29	
515	135187	ĐẬU VŨ MINH ANH	03/12/2004	Nam	2	29.25	
516	135202	LÊ VÕ NGỌC ANH	15/11/2004	Nữ	1	29	
517	135204	LƯƠNG NGUYỄN QUỲNH ANH	09/01/2004	Nữ	2	29.75	
518	135210	NGÔ MINH ANH	21/03/2004	Nam	1	31.5	
519	135217	NGUYỄN LAN ANH	17/10/2004	Nữ	1	27.75	
520	135236	NGUYỄN VŨ TUẤN ANH	18/03/2004	Nam	1	27.5	
521	135239	PHẠM HOÀI PHƯƠNG ANH	18/01/2004	Nữ	2	29.25	
522	135243	PHẠM NGỌC VÂN ANH	26/07/2004	Nữ	1	30	
523	135247	PHẠM THỊ PHƯƠNG ANH	06/09/2004	Nữ	1	27.75	
524	135256	TRẦN LƯU THẾ ANH	11/08/2004	Nam	1	29.25	
525	135265	TRỊNH TRÂM ANH	05/06/2004	Nữ	2	30	
526	135270	VÕ TRẦN VÂN ANH	28/10/2004	Nữ	2	30.25	
527	135277	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	02/01/2004	Nữ	1	28.75	
528	135281	PHAN NGỌC LAN BÁCH	01/03/2004	Nữ	2	29.75	
529	135285	CHÂU GIA BẢO	01/10/2004	Nam	1	29	
530	135304	NGUYỄN KHÁNH BẢO	08/09/2004	Nam	1	28.5	
531	135338	TRẦN HOÀNG MINH CHÂU	07/07/2004	Nam	1	31	
532	135342	VÕ TRẦN CHÍ	15/11/2004	Nam	2	29.5	

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
THPT TRƯỜNG CHINH

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
533	135344	NGUYỄN NHẬT CHIÊU	31/08/2004	Nam	2	30.5	
534	135366	NGUYỄN KHÁNH ĐĂNG	30/05/2004	Nam	2	29.25	
535	135371	NGUYỄN THỊ NGỌC ĐÀO	14/04/2004	Nữ	1	36.25	
536	135389	TRẦN TẤN ĐẠT	26/11/2004	Nam	1	32.25	
537	135394	VŨ TIẾN ĐẠT	02/04/2004	Nam	1	36.75	
538	135421	TRỊNH ANH ĐỨC	08/10/2004	Nam	1	31.75	
539	135425	NGÔ KIM DUNG	01/09/2004	Nữ	1	28	
540	135434	TRẦN ĐÌNH XUÂN DUNG	27/02/2004	Nữ	1	32.75	
541	135474	NGÔ THỊ MỸ DUYÊN	01/02/2004	Nữ	2	32.25	
542	135484	NGUYỄN HƯƠNG GIANG	05/06/2004	Nữ	1	32.25	
543	135485	PHẠM HỒ LAM GIANG	17/11/2004	Nam	1	36.25	
544	135500	NGUYỄN THỊ THANH HÀ	08/05/2004	Nữ	2	30	
545	135506	NGUYỄN THANH HẢI	10/06/2004	Nam	1	30.5	
546	135519	NGUYỄN GIA HÂN	25/12/2004	Nữ	2	28.75	
547	135527	PHẠM BẢO HÂN	15/08/2004	Nữ	1	30.75	
548	135530	THỊ BẢO HÂN	17/11/2004	Nữ	1	31	
549	135542	LÊ PHAN PHÚC HẬU	06/09/2004	Nữ	2	28.75	
550	135559	LÊ NGUYỄN HIẾU	29/01/2004	Nam	1	30.25	
551	135567	NGUYỄN TRẦN TRUNG HIẾU	24/06/2004	Nam	3	28.75	
552	135576	VŨ NGUYỄN VĂN HIẾU	12/03/2004	Nam	1	33.75	
553	135584	MAI NGỌC HOÀN	08/01/2004	Nam	1	32.75	
554	135590	LÊ GIA HUY HOÀNG	21/03/2004	Nam	1	33.5	
555	135607	VŨ ĐỨC HUÂN	24/03/2004	Nam	1	34	
556	135615	TRẦN NGUYỄN PHƯƠNG PHI HÙNG	17/01/2004	Nam	1	28.25	
557	135622	LÝ TRẦN PHÚ HÙNG	25/06/2004	Nam	1	31.75	
558	135627	HOÀNG THỊ LAN HƯƠNG	10/01/2004	Nữ	2	30	
559	135642	HÀ TRỌNG GIA HUY	13/04/2004	Nam	1	31	
560	135644	LÊ ĐĂNG TRƯỜNG HUY	29/11/2004	Nam	2	30.25	

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
THPT TRƯỜNG CHINH

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
561	135647	LÊ TRẦN GIA HUY	22/10/2004	Nam	1	36	
562	135659	NGUYỄN VŨ ĐỨC HUY	02/07/2004	Nam	2	28	
563	135660	PHẠM HOÀNG NHẬT HUY	15/08/2004	Nam	2	30.5	
564	135665	PHAN HOÀNG HUY	08/03/2004	Nam	1	31.25	
565	135703	ĐỖ PHẠM MAI KHANH	21/08/2004	Nữ	1	35.5	
566	135709	ĐẶNG QUỐC KHÁNH	17/01/2004	Nam	2	29.75	
567	135710	DƯƠNG NGỌC KHÁNH	12/04/2004	Nữ	2	29.5	
568	135714	TRẦN HOÀNG KIM KHÁNH	21/02/2004	Nữ	1	34.25	
569	135724	HUỲNH MINH KHOA	11/04/2004	Nam	1	31.75	
570	135736	PHẠM TRƯỞNG ĐĂNG KHOA	20/07/2004	Nam	1	32	
571	135743	ĐOÀN ANH KHÔI	02/03/2004	Nam	2	30.25	
572	135751	TRẦN MINH KHÔI	24/12/2004	Nam	2	30.5	
573	135754	TRẦN NGỌC ANH KHUÊ	04/03/2004	Nữ	1	28	
574	135758	CHÂU TRUNG KIÊN	12/11/2004	Nam	1	33.25	
575	135762	LÊ ANH KIỆT	20/05/2004	Nam	2	28	
576	135763	LÊ TUẤN KIỆT	07/11/2004	Nam	2	30.5	
577	135764	NGUYỄN MINH KIỆT	07/01/2004	Nam	1	27.5	
578	135778	CAO THÙY THIÊN KIM	09/10/2004	Nữ	1	27.5	
579	135795	NGUYỄN TRẦN XUÂN LAN	18/04/2004	Nữ	1	31	
580	135797	HUỲNH HOÀNG LÂN	28/04/2004	Nam	2	28.75	
581	135813	NGUYỄN HỒNG TRÚC LINH	14/02/2004	Nữ	1	32.5	
582	135840	VÕ HOÀNG KHÁNH LINH	05/01/2004	Nữ	2	28.5	
583	135852	ĐỖ QUANG LỘC	07/05/2004	Nam	2	31.25	
584	135858	NHAN THÀNH LỘC	14/03/2004	Nam	2	33.5	
585	135862	LÊ QUANG LỢI	09/11/2004	Nam	1	30.25	
586	135870	MAI HOÀNG LONG	06/12/2004	Nam	1	34	
587	135871	NGUYỄN HẢI LONG	30/08/2004	Nam	1	28.5	
588	135886	TRẦN NHƯ LƯỢNG	11/08/2004	Nam	2	28	

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
THPT TRƯỜNG CHINH

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
589	135907	TRẦN THỊ BÍCH MAI	05/03/2004	Nữ	1	27.75	
590	135911	TRƯƠNG CHÍ Mẫn	16/01/2004	Nam	1	30.25	
591	135923	CAO NHẬT MINH	24/05/2004	Nam	2	29.75	
592	135931	NGUYỄN ĐỨC MINH	17/10/2004	Nam	2	32	
593	135941	TRẦN NGỌC THANH MINH	04/04/2004	Nữ	2	30.75	
594	135964	HUỖNH NGỌC NAM	15/10/2004	Nam	1	30.5	
595	135977	LÊ THỊ KIM NGÀ	28/11/2004	Nữ	2	30	
596	135980	NGUYỄN TRỊNH THIÊN NGÀ	09/10/2004	Nữ	1	28.25	
597	135987	ĐINH KIM NGÂN	13/03/2004	Nữ	2	28.75	
598	135993	HUỖNH BỘI NGÂN	12/08/2004	Nữ	1	34.25	
599	135995	LÊ TRẦN BẢO NGÂN	27/11/2004	Nữ	1	34.75	
600	136045	HUỖNH BỘI NGỌC	12/08/2004	Nữ	1	29.25	
601	136052	MOHAMAD HỒNG NGỌC	17/12/2004	Nữ	2	30	
602	136059	NGUYỄN THỊ KIM NGỌC	13/02/2004	Nữ	1	31.5	
603	136064	TRẦN LÝ BẢO NGỌC	27/11/2004	Nữ	1	28	
604	136099	ĐỖ LÊ HOÀNG NHẬT	20/02/2004	Nam	2	29	
605	136108	BÙI PHƯƠNG NHI	17/12/2004	Nữ	1	28.75	
606	136112	ĐỒNG PHƯƠNG NHI	01/11/2004	Nữ	1	34	
607	136119	LÊ HUỖNH YẾN NHI	01/01/2004	Nữ	1	29.5	
608	136135	NGUYỄN THỊ UYÊN NHI	10/04/2004	Nữ	1	33.25	
609	136140	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	24/02/2004	Nữ	2	28.75	
610	136148	PHAN NGUYỄN YẾN NHI	21/05/2004	Nữ	1	27.75	
611	136152	TRẦN NGỌC YẾN NHI	17/07/2004	Nữ	1	29.75	
612	136160	ĐINH ĐỖ QUỲNH NHƯ	01/09/2004	Nữ	2	31.75	
613	136219	BÙI HOÀNG PHÚ	04/06/2004	Nam	1	29.25	
614	136220	CAO ĐẠI PHÚ	08/01/2004	Nam	2	29.5	
615	136226	NGUYỄN HOÀNG THIÊN PHÚ	14/12/2004	Nam	1	35.5	
616	136288	PHẠM MINH QUÂN	06/01/2004	Nam	2	30.25	

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
THPT TRƯỜNG CHINH

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
617	136301	PHẠM THANH QUANG	14/10/2004	Nam	1	33	
618	136302	PHẠM VĂN QUANG	25/10/2004	Nam	2	29.5	
619	136309	NGUYỄN PHẠM ĐỨC QUÝ	06/02/2004	Nam	1	27.75	
620	136314	NGUYỄN XUÂN QUYÊN	18/02/2004	Nữ	1	34	
621	136320	CAO THỊ XUÂN QUỲNH	23/12/2004	Nữ	2	33	
622	136322	DƯƠNG NHẢ QUỲNH	09/01/2004	Nữ	2	29.75	
623	136328	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	23/09/2004	Nữ	1	29.75	
624	136336	THÁI NHƯ QUỲNH	16/05/2004	Nữ	2	30	
625	136337	TRẦN THỊ NHƯ QUỲNH	23/04/2004	Nữ	1	30	
626	136339	VÕ NGUYỄN NHƯ QUỲNH	31/07/2004	Nữ	1	31	
627	136342	VÕ TÁ SÂM	29/03/2004	Nam	1	29	
628	136345	NGUYỄN QUỐC SANG	16/08/2004	Nam	1	29.25	
629	136354	PHẠM THIÊN SƠN	03/06/2004	Nam	1	28	
630	136374	NGUYỄN HỮU THIỆN TÂM	19/10/2004	Nam	1	29.5	
631	136397	NGUYỄN VŨ DUY THÁI	28/05/2004	Nam	2	30.5	
632	136398	ĐẶNG QUANG THẮNG	03/04/2004	Nam	1	28.75	
633	136407	PHẠM NGỌC THẮNG	14/07/2004	Nam	2	30.5	
634	136414	NGUYỄN CHÍ THANH	12/10/2004	Nam	1	31.25	
635	136416	NGUYỄN THỊ THANH	16/10/2004	Nữ	1	28.25	
636	136419	VÕ TRẦN QUỐC THANH	12/11/2004	Nam	1	30.25	
637	136421	CAO NGỌC THÀNH	19/01/2004	Nam	1	30.5	
638	136437	LÊ NGUYỄN THANH THẢO	07/10/2004	Nữ	1	31.25	
639	136438	LÊ PHƯƠNG THẢO	17/04/2004	Nữ	1	27.5	
640	136450	TRẦN PHƯƠNG THẢO	20/07/2004	Nữ	2	32.25	
641	136452	TRẦN THỊ THẢO	10/10/2004	Nữ	2	29.25	
642	136455	ĐOÀN ĐẶNG MAI THI	04/05/2004	Nữ	1	28	
643	136461	TRẦN HỮU QUỲNH THI	06/11/2004	Nữ	1	30.25	
644	136501	LÊ ANH THƯ	15/12/2004	Nữ	1	36	

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
THPT TRƯỜNG CHINH

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
645	136514	NGUYỄN NGỌC ANH THU'	07/05/2004	Nữ	1	30.25	
646	136520	NGUYỄN THỊ ANH THU'	07/12/2004	Nữ	1	28.25	
647	136526	PHẠM VŨ ANH THU'	02/10/2004	Nữ	1	33.75	
648	136527	PHAN NỮ MINH THU'	02/01/2004	Nữ	1	29.25	
649	136530	THỊNH NGUYỄN MINH THU'	15/01/2004	Nữ	1	36.25	
650	136545	ĐẶNG MINH THUẬN	10/03/2004	Nam	1	30	
651	136550	PHAN THƯỢNG THUẬN	26/03/2004	Nam	2	28.75	
652	136563	VŨ DIỆU THÚY	26/01/2004	Nữ	2	30.75	
653	136582	PHẠM MAI PHƯƠNG THY	19/04/2004	Nữ	2	30.75	
654	136585	VŨ HÀ THY	03/02/2004	Nữ	1	32.25	
655	136593	TRƯƠNG NGUYỄN THỦY TIÊN	01/10/2004	Nữ	1	30.5	
656	136595	HUỲNH NGỌC TIẾN	18/06/2004	Nam	1	31	
657	136614	NGUYỄN TRẦN ĐỨC TOÀN	01/05/2004	Nam	2	30.75	
658	136620	LƯƠNG XUÂN TRÀ	17/09/2004	Nam	2	30.75	
659	136621	NGUYỄN ĐỖ ĐÌNH TRÃI	13/04/2004	Nam	2	29.75	
660	136622	ĐÌNH NGỌC THANH TRÂM	30/12/2004	Nữ	1	31	
661	136628	NGUYỄN NGỌC TRÂM	18/12/2004	Nữ	2	29	
662	136646	ĐÌNH KIỀU TRANG	19/08/2004	Nữ	2	29.75	
663	136651	LÂM MINH TRANG	30/01/2004	Nữ	2	29.75	
664	136654	LÊ THỊ THÙY TRANG	12/05/2004	Nữ	1	28.75	
665	136655	LÊ THÙY TRANG	01/10/2004	Nữ	1	27.5	
666	136656	LƯƠNG THỊ PHƯƠNG TRANG	19/02/2004	Nữ	1	32.75	
667	136660	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG TRANG	18/04/2004	Nữ	2	30	
668	136663	NGUYỄN THỊ ĐÀI TRANG	01/01/2004	Nữ	1	28.5	
669	136664	NGUYỄN THỊ KIỀU TRANG	08/01/2004	Nữ	2	30.5	
670	136681	DƯƠNG LÊ HẢI TRIỀU	21/06/2004	Nữ	1	32.75	
671	136698	NGUYỄN PHƯỚC TRỌNG	25/02/2004	Nam	2	30.5	
672	136701	NGUYỄN THANH TRÚC	10/12/2004	Nữ	2	33	

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
THPT TRƯỜNG CHINH

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
673	136705	NGUYỄN THỊ THANH TRÚC	27/04/2004	Nữ	1	34	
674	136711	TRẦN VÕ NHẬT TRÚC	11/10/2004	Nữ	1	28.25	
675	136717	NGUYỄN HOÀNG TUẤN TRUNG	24/05/2004	Nam	2	28.25	
676	136741	ĐẶNG VĂN TỨ	12/04/2004	Nam	1	27.75	
677	136757	NGUYỄN CAM DĨNH TUỆ	20/06/2004	Nữ	2	30.25	
678	136781	NGUYỄN NGỌC QUỲNH UYÊN	07/03/2004	Nữ	2	33	
679	136789	VŨ PHẠM THẢO UYÊN	12/11/2004	Nữ	1	29.5	
680	136807	NGUYỄN QUỐC VIỆT	17/03/2004	Nam	1	30.75	
681	136813	ĐOÀN QUANG VINH	06/06/2004	Nam	1	29	
682	136817	NGUYỄN THẾ VINH	01/03/2003	Nam	1	29.25	
683	136841	HỒ TRẦN QUỲNH VY	04/07/2004	Nữ	1	29.25	
684	136852	LƯƠNG TRIỆU VY	18/11/2004	Nữ	2	28.25	
685	136854	NGUYỄN ĐỖ THANH VY	16/08/2004	Nữ	2	28	
686	136856	NGUYỄN HOÀNG KHÁNH VY	10/02/2004	Nữ	1	28	
687	136865	PHAN ĐỖ TRIỆU VY	25/08/2003	Nữ	1	27.75	
688	136877	HUỲNH NHƯ Ý	07/11/2004	Nữ	1	27.75	
689	136884	ĐẶNG BÌNH YÊN	10/09/2004	Nữ	1	31.75	
690	136903	NGUYỄN BẢO AN	13/12/2004	Nữ	2	29.25	
691	136978	NGUYỄN MAI TUYẾT ANH	04/06/2004	Nữ	2	29.5	
692	137422	CAO PHAN KHẢI	28/08/2004	Nam	2	28.5	
693	137515	HOÀNG TRUNG KIÊN	07/06/2004	Nam	1	29.25	
694	137697	TRẦN HẢI NAM	16/05/2004	Nam	2	29	
695	137886	NGUYỄN THANH NHƯ	04/11/2004	Nữ	2	28.75	
696	138016	ĐINH LÊ NGỌC QUỲNH	15/02/2004	Nữ	2	30.5	
697	138461	LÊ HOÀNG NGUYỆT VY	14/08/2004	Nữ	1	27.5	
698	138509	VÕ THIÊN ÂN	01/12/2004	Nam	1	29.75	
699	139087	NGUYỄN QUỐC ANH	11/11/2004	Nam	2	31.25	
700	139391	HỒ NHẬT MINH	14/01/2004	Nam	3	30	

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
THPT TRƯỜNG CHINH

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
701	140106	HUỲNH NGUYỄN SONG HƯƠNG	12/11/2004	Nữ	2	32.25	
702	140275	NGUYỄN ĐẶNG TUẤN MINH	19/01/2004	Nam	2	30.75	
703	140281	PHẠM THẾ MINH	30/07/2004	Nam	1	29	
704	140295	VŨ NGUYỄN HÀ MY	21/10/2004	Nữ	2	28	
705	140366	TRẦN QUANG NHẬT	20/11/2004	Nam	1	29.75	
706	140784	KHƯƠNG HOÀNG AN	07/05/2004	Nam	1	29.5	
707	140785	LÊ ĐỨC AN	11/06/2004	Nam	2	29.25	
708	140792	NGUYỄN HOÀNG AN	17/11/2004	Nam	2	29.25	
709	140805	NGUYỄN HOÀNG ÂN	29/06/2004	Nam	2	30.25	
710	140812	ĐOÀN NGỌC VÂN ANH	09/04/2004	Nữ	1	29	
711	140846	PHẠM TRẦN VÂN ANH	15/09/2004	Nữ	2	33.25	
712	141043	BÙI VÕ NGỌC HÂN	26/03/2004	Nữ	1	31.75	
713	141076	TRỊNH SƠN HẬU	06/08/2004	Nam	3	29.5	
714	141110	PHẠM NGUYỄN MINH HOÀNG	27/01/2004	Nam	1	32	
715	141111	PHAN MINH HOÀNG	31/08/2004	Nam	2	28.5	
716	141119	NGUYỄN VĂN THANH HÙNG	13/12/2004	Nam	1	30.25	
717	141233	NGUYỄN MINH KHUÊ	21/12/2004	Nữ	2	30	
718	141257	NGUYỄN THỊ LAM	26/03/2004	Nữ	2	30.25	
719	141267	ĐỖ THỊ MỸ LỆ	21/02/2004	Nữ	3	30	
720	141312	PHẠM MỸ LỢI	19/01/2004	Nữ	2	32.75	
721	141320	NGUYỄN ĐÌNH LONG	05/04/2004	Nam	2	29.25	
722	141343	LÊ ĐĂNG MẠNH	27/01/2004	Nam	2	28.75	
723	141359	NGUYỄN HOÀNG KHẢI MINH	04/10/2004	Nam	2	28.25	
724	141383	LÊ GIA KHÁNH MỸ	29/12/2004	Nữ	3	29.75	
725	141438	LÂM HOÀNG BẢO NGỌC	14/07/2004	Nữ	3	28.75	
726	141457	NGUYỄN BÙI THẢO NGUYÊN	16/07/2004	Nữ	1	32.5	
727	141492	HUỲNH NHI	13/02/2004	Nữ	1	27.75	
728	141519	VÕ NGỌC ÁI NHI	30/10/2004	Nữ	2	32.75	

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
THPT TRƯỜNG CHINH

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
729	141706	NGUYỄN ĐỨC THÁI	01/05/2004	Nam	3	29.5	
730	141844	NGUYỄN VÕ NGỌC TRÂM	09/10/2004	Nữ	3	30.5	
731	141863	LÊ LINH TRANG	28/09/2004	Nữ	2	30.25	
732	141901	TRỊNH THANH TRÚC	22/09/2004	Nữ	1	28.25	
733	142073	ĐỖ LÊ DUY ANH	24/08/2004	Nam	2	30.75	
734	142091	NGUYỄN VŨ DUY ANH	02/05/2004	Nam	2	30	
735	142415	NGUYỄN HUỲNH THANH LIÊM	07/02/2004	Nam	2	28.5	
736	143159	NGUYỄN QUANG DŨNG	20/12/2004	Nam	1	32.75	
737	143187	VÕ ĐOÀN KHÁNH GIANG	17/05/2004	Nữ	1	30.25	
738	143695	TRẦN DUY PHÚC	03/12/2004	Nam	1	28	
739	143762	VÕ NGỌC NGUYỄN SA	11/10/2004	Nữ	2	29	
740	143808	PHẠM PHƯƠNG THANH	30/05/2004	Nữ	1	30.75	
741	143862	LÂM THỤY ANH THU'	24/11/2004	Nữ	2	30.75	
742	143877	PHAN NGUYỄN ANH THU'	13/09/2004	Nữ	1	31.5	
743	144057	NGUYỄN MAI THY UYÊN	05/02/2004	Nữ	2	30.75	
744	144121	PHẠM KHÁNH VY	24/02/2004	Nữ	2	29.25	
745	144141	HỒ XUÂN YẾN	01/04/2004	Nữ	2	28	
746	144454	NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	14/11/2004	Nữ	2	28.5	
747	159797	NGÔ HÀ ANH	28/05/2004	Nữ	2	30.75	
748	160116	NGUYỄN MINH HẰNG	18/06/2004	Nữ	1	29	
749	160326	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	09/11/2004	Nam	1	29.25	
750	160406	TRẦN THỤY HOÀNG LAN	22/11/2003	Nữ	1	30.25	
751	160452	NGUYỄN TẤN LỘC	26/07/2004	Nam	2	30.5	
752	160877	NGUYỄN THỊ KHÁNH PHƯƠNG	19/10/2004	Nữ	2	32.5	
753	161035	BÙI QUANG THẮNG	26/03/2004	Nam	1	30	
754	161151	BÙI THỊ MINH THU'	07/09/2004	Nữ	1	32.75	
755	161341	LÊ MINH TRÍ	22/06/2004	Nam	1	27.75	
756	161677	TRẦN QUỲNH TRÂM ANH	05/08/2004	Nữ	1	29.25	

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
THPT TRƯỜNG CHINH

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
757	161990	NGUYỄN MINH HIẾU	10/10/2004	Nam	1	28	
758	162907	ĐẶNG TRẦN THANH THƯ	10/09/2004	Nữ	1	28.5	
759	164843	NGUYỄN KIM CHI	16/01/2004	Nữ	1	31	
760	165194	CÙ NGỌC ÁNH LINH	05/11/2004	Nữ	1	29.25	
761	165662	DIÊU THỤY THẠCH THẢO	23/08/2004	Nữ	1	29.25	
762	166026	NGUYỄN THỤY PHƯƠNG ANH	11/04/2004	Nữ	1	33	
763	168303	LÊ HOÀNG HẢI VY	16/03/2004	Nữ	2	29.25	
764	172115	LỤC QUỲNH TRANG	14/09/2004	Nữ	1	31.25	
765	9194	TRẦN TRUNG KIÊN	01/01/2004	Nam	2	30	
766	92128	MAI PHAN QUỲNH THƯ	10/10/2004	Nữ	2	30.5	
767	93361	BÙI NGỌC LAN ANH	15/02/2004	Nữ	3	30.75	
768	94035	HUỲNH NGỌC MINH THƯ	16/07/2004	Nữ	2	28.5	
769	94089	PHẠM NGUYỄN PHƯƠNG UYÊN	25/10/2004	Nữ	3	29	